
Lý Văn Phức (1785 - 1849)

Nếu đi về trung tâm Hà Nội theo tuyến phố Kim Mã - Nguyễn Thái Học, bạn sẽ bắt gặp một đường phố mang tên ông - Lý Văn Phức.

Lý Văn Phức (1785- 1849) tự Lân Chi, hiệu Khắc Trai và Tô Xuyên, người làng Hồ Khẩu, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức - nay là phường Bưởi quận Tây Hồ, Hà Nội.

Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo ở kinh thành Thăng Long⁽¹⁾, Lý Văn Phức từ nhỏ đã được hưởng một nền giáo dục thi lễ. Năm 1807, Lý bắt đầu đi thi và đỗ Tam trường (tú tài), rồi đến năm Kỷ Mão (1819) ông lại đi thi và đỗ Hương tiến (Cử nhân), khi ấy ông 34 tuổi.

Cuộc đời làm quan đại thần nhà Nguyễn của Lý Văn Phức bắt đầu từ năm 1820 - ông được bổ làm Hàn lâm Biên tu, sung Sử quán, rồi trải các chức vụ: Lễ bộ kiến sự, Hộ bộ Hữu thị lang, thụ hàm Hữu tham tri.

Năm Kỷ Sửu (1829) đời vua Minh Mạng thứ 10, Lý Văn Phức khi ấy đang làm công việc Hộ chính thì bị vua khiển trách - tháng 2 giải chức, tháng 10 thành án⁽²⁾, rồi sau hơn một tháng có ân chi xá tội, cho được đi hiệu lực ở Tiểu Tây Dương (Bang Ca, tức Bengale) để dõ công chuộc tội. Kể từ đây, cuộc đời Lý Văn Phức hiện lên như là cuộc đời của một vị sứ thần lữ khách:

- Năm Canh Dần đời vua Minh Mạng thứ 11 (1830): Đi hiệu lực, đến địa phận trấn Minh Ca (Bengale) thuộc địa của Anh Cát Lợi (nước Anh) ở Tiểu Tây Dương dự cuộc thao diễn thủy sư.

- Năm Tân Mão đời vua Minh Mạng thứ 12 (1831): Đi hiệu lực ở Tân Gia Ba (Singapore). Cùng năm này, ông lại được triều đình cử làm trưởng phái đoàn sang Mân Việt (Phúc Kiến, Trung Quốc) để giao trả thuyền các quan nhà Thanh là nhóm Trần Khải bị bão đánh bật thuyền vào vùng biển Việt Nam.

- Năm Nhâm Thìn đời vua Minh Mạng thứ 13 (1832): Được khôi phục hàm Tư vụ, triều đình cử ông đi Lữ Tống (Luzon, thuộc Philippines) để mở quan hệ lân bang giữa hai nước.

- Năm Quý Tỵ đời vua Minh Mạng thứ 14 (1833): Đi công cán ở Việt Đông (Quảng Đông, Trung Quốc) để hộ tống tàu nhà binh bị nạn gió bão về Việt Đông.

- Năm Giáp Ngọ đời vua Minh Mạng thứ 15 (1834): Được thăng chức Binh bộ chủ sự, hàm Quang lộc tự thiếu khanh, sang Hạ Châu (Quảng Đông và Ma Cao, Trung Quốc) để hộ tống tàu nhà binh bị nạn gió bão về Việt Đông.

- Năm Ất Mùi đời vua Minh Mạng thứ 16 (1835): Sang Việt Đông để hộ giải giặc biển người Việt Đông về nước.

- Năm Bính Thân đời vua Minh Mạng thứ 17 (1836): Sang Ma Cao (thuộc xứ Việt Đông) để hỏi tin tức những chiếc thuyền đi làm công bị gió đánh phiêu dạt.

- Năm Tân Sửu đời vua Minh Mạng thứ 22 (1841): được bổ làm Lễ bộ Hữu tham tri, làm chánh sứ sang sứ nhà Thanh (Trung Quốc).

Rồi ông mắc lỗi, bị kết án làm lính. Sau được khai phục hàm Thị độc học sĩ.

Đến năm 1843, Lý Văn Phức được cử làm chủ khảo trường Nghệ; năm 1848 được thăng Lang trung biện lý coi việc trong bộ Lễ, năm 1849 được thăng Quang lộc tự khanh rồi mất khi đang tại chức, được truy thụ Lễ bộ Hữu thị lang (thọ 64 tuổi).

Cuộc đời một vị quan đại thần như Lý Văn Phức cũng lắm thăng trầm. Trong bối cảnh xã hội nhà Nguyễn ở vào thời kỳ đầu xây dựng và củng cố một nhà nước phong kiến tập quyền thống nhất từ Nam ra Bắc nhưng đồng thời lại là giai đoạn cuối của chế độ phong kiến đến bước suy tàn, ta luôn thấy ở Lý Văn Phức một nhân cách, một tài năng - ở ông, niềm trung hiếu luôn đồng nghĩa với yêu nước thương nhà; sự tinh táo vững vàng luôn đồng nghĩa với nét tài hoa trí tuệ.

Như một tác gia tiêu biểu của giai đoạn văn học Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX, Lý Văn Phức đã để lại một di sản văn học bao gồm một số lượng lớn những tác phẩm Hán và Nôm đa dạng như thơ cảm hoài, thơ xướng họa, ký sự, tạp ký, luận thuyết, nhật ký, tự thuật, phú, truyện thơ Nôm, gia phả, văn tế tự, bạt,

chiếu, chế, từ, biểu, câu đối... Tác phẩm chữ Hán của ông chủ yếu là những tập thơ văn sáng tác trong các dịp đi ra nước ngoài - ghi chép những điều tai nghe mắt thấy hay ghi lại cảm xúc trên đường đi như:

Tây hành thi ký: 45 bài thơ làm trong dịp đi hiệu lực ở miền biển Tây năm 1830.

Hải hành ngâm (có lẽ cũng là *Tiểu Tây hành*) và *Nhật trình ký* viết trong chuyến đi hiệu lực năm 1830⁽³⁾.

Tây hành kiến văn kỷ lược⁽⁴⁾: Tập ký sự những kiến văn ở biển Tây viết năm 1830.

Nghĩ Vô Danh công tự thuật phú: Bài phú tự thuật của ông Vô Danh (tức Lý Văn Phức) viết sau chuyến đi hiệu lực ở Tân Gia Ba (Singapore) về năm 1831.

Mân hành tạp vịnh thảo: Tập thơ làm trên đường sang đất Mân Việt (Phúc Kiến, Trung Quốc) năm 1831.

Đông hành thi thuyết: Tập thơ văn làm trong chuyến đi công cán ở Lữ Tống (Luzon thuộc Philippines) năm 1832.

Việt hành ngâm thảo, *Việt hành tục ngâm*, *Tam chi Việt tạp thảo* là 3 tập thơ sáng tác trong các chuyến đi công cán sang Việt Đông các năm 1833, 1834, 1835.

Kính hải tục ngâm: 110 bài thơ vịnh cảnh, vịnh di tích lịch sử trong dịp đi công cán ở Ma Cao năm 1836.

Chu nguyên tạp vịnh thảo: Tập thơ làm trong dịp sang sứ Yên Kinh (Bắc Kinh, Trung Quốc) năm 1841.

Sứ trình chí lược thảo: Ghi chép về cuộc hành trình đi sứ nhà Thanh năm 1841.

Sứ trình quát yếu biên: Ghi chép về đường đi sứ từ Nam quan đến Yên Kinh.

Hoàng hoa tạp vịnh thảo: 76 bài thơ làm trong dịp đi sứ Yên Kinh và bài ký *Nhị thị ngẫu đàm ký* nói về cuộc tranh luận giữa Thích Ca và Lão Tử.

Thơ văn đi sứ của Lý Văn Phức soạn chung cùng các tác giả khác như:

Trung ngoại quần anh hội lục: Tác giả Mục Cẩn hiệu Liên Tiên (người Trung Quốc) biên tập và in năm Đạo Quang 3 (1833): Thơ xướng họa, thư từ trao đổi giữa người Trung Quốc và người Việt Nam đi sứ Trung Quốc như: Lý Văn Phức, Như Bá Sĩ, Nguyễn Văn Chương...

Tiên Thành lữ thoại: 104 bài thơ do đoàn sứ bộ Lý Lân Chi, Trần Tú Dĩnh, Đỗ Tuấn Đại soạn chung trong chuyến đi Việt Đông (Trung Quốc) năm 1835.

Những tập thơ văn khác của Lý Văn Phức:

Học ngâm tồn thảo: 80 bài thơ sáng tác từ năm Kỷ Mão (1819) đến năm Canh Thìn (1820).

Tây Hồ thắng tích: 29 bài thơ vịnh thắng cảnh hồ Tây.

Xuyết thập tạp ký: Tập thơ vịnh những nhân vật giỏi chữ văn hay.

Lý thị gia phả: Gia phả họ Lý.

Hồi kinh nhật ký: Ghi chép lộ trình từ Hà Nội đến kinh đô Huế.

Gia Định diên ứng tuyển thù sao⁽⁵⁾: Tập thơ xướng họa với các giám khảo trường thi Gia Định khoa Mậu Tý (1828), khi ấy Lý Văn Phức làm chủ khảo.

Thơ văn chữ Hán của Lý Văn Phức bao gồm nhiều thể loại nằm trong các tập thơ văn của các tác giả khác như:

Dương Nhạc Tùng Hiên Ngô tử văn tập: Tác giả Ngô Thế Mỹ soạn – có một số thơ, câu đối của Lý Văn Phức.

Thần dân biểu lục phụ Bùi gia Bắc sứ hạ văn thi tập: 42 bài thơ, từ của Vũ Phạm Khải, Ngô Thế Vinh, Lý Văn Phức, Phạm Văn Nghị tiền Bùi Văn Dị đi sứ Trung Quốc.

Thơ văn tạp tập: Thơ văn của Lý Văn Phức, Hà Tông Quyền, Nhữ Bá Sĩ ... gồm chiếu, chế, từ, biểu, khải, châm, phú, luận, trướng, câu đối, văn bia...

Thư tự trích lục: 85 bài tựa, bạt trích từ các tập thơ văn Việt Nam trong đó có tựa bạt của tập Tiên Thành lữ thoại.

Tại kinh lưu thảo: Thơ văn của nhiều tác giả làm trong dịp lưu trú tại kinh đô.

* * *

Bên cạnh sáng tác chữ Hán là những sáng tác chữ Nôm. Thơ Nôm với nội dung giáo huấn đạo đức Nho gia, phổ cập kiến thức như:

Nhị thập tứ hiếu diễn ca: 24 truyện viết theo thể song thất lục bát kể chuyện 24 nhân vật hiếu hạnh theo quan niệm Nho gia.

Phụ châm tiện lãm: Thơ song thất lục bát giáo huấn phụ nữ theo lễ giáo phong kiến.

Thiên tự văn diễn âm⁽⁶⁾: Diễn âm những chữ thường dùng.

Tự thuật phú: Bài thơ Nôm viết theo thể tứ lục, kể về thân thế, nêu cao phận làm con, đạo làm tôi.

Bất Phong Lưu truyện: Bài thơ trường thiên kể về ông Bất Phong Lưu (tức Lý Văn Phức) viết năm Giáp Tý (1815) trong khi tác giả còn đang dạy học.

Sáng tác chữ Nôm với những truyện thơ Nôm giai nhân tài tử như:

Ngọc Kiều Lê tân truyện⁽⁷⁾: Truyện thơ Nôm chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của Trung Quốc.

Truyện Tây sương⁽⁸⁾: Truyện thơ lục bát theo kịch bản Tây sương ký của Vương Thực Phủ (Trung Quốc).

Nhị Độ Mai diễn ca: diễn Nôm thể 6-8 truyện *Nhị Độ Mai* của Trung Quốc⁽⁹⁾.

Cửu đại nương Trương Văn Thành diễn nghĩa: tập thơ lục bát viết theo một tiểu thuyết của Trung Quốc⁽¹⁰⁾.

Thanh Tâm Tài Nhân đề vịnh: 20 bài đề 20 hồi quyển *Thanh Tâm Tài Nhân* theo lối tập Kiều⁽¹¹⁾.

Và những tác phẩm Nôm viết về những chuyến đi ra nước ngoài như:

Tây hải hành chu phú: Bài phú viết khi đi đến các nước ở biển Tây (năm 1830).

Chu hồi trở phong thán: Bài văn biền ngẫu sáng tác khi đi Hạ Châu (Trung Quốc) năm 1834 khi thuyền về gặp gió bão.

Sứ trình tiện lãm khúc: Thơ trường thiên song thất lục bát kể về cuộc đi sứ Yên Kinh (Bắc Kinh, Trung Quốc) năm 1841.

Một đặc điểm đáng lưu ý là những tác phẩm Nôm viết về những chuyến tác giả đi ra nước ngoài thường cùng song hành với một tác phẩm Hán, như là: có *Tây hành kiến văn lục* (Hán) lại có *Tây hải hành chu phú* (Nôm); có *Sứ trình chỉ lược thảo* (Hán) lại có *Sứ trình tiện lãm khúc* (Nôm); có *Nghĩ Vô Danh công tự thuật phú* (Hán) lại có *Tự thuật phú* (Nôm)... Quả là tác giả không chỉ tài năng ở thơ văn chữ Hán mà cũng thực sự tài năng ở thơ văn chữ Nôm.

Là người đi ra nước ngoài nhiều - có thể nói, suốt thập kỷ 30 của thế kỷ XIX, Lý Văn Phức hầu như đi ra nước ngoài - những xứ ở Đông Nam châu Á như Bengal, Singapore, Philippines, Phúc Kiến, Quảng Đông, Ma Cao; chỉ riêng chuyến đi năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) là đi sang Yên Kinh (Bắc Kinh, Trung Quốc) - điều đó phần nào cho thấy mối quan hệ ngoại giao cũng như việc thông thương buôn bán bằng đường biển của Việt Nam với các nước trong khu vực đã thực sự phát triển, quan hệ bang giao giữa Việt Nam với các nước đã vượt ra ngoài phạm vi với thiên triều - Điểm giao cắt Đông Tây chính nằm ở vùng biển Đông Nam Á này, nơi mà văn hoá phương Đông và văn hóa phương Tây đã cùng hoà bình tồn

tại với văn hoá bản địa. Và Lý Văn Phức lần đầu tiên được đến vùng biển này, ông lại là vị du khách Việt Nam đầu tiên phát hiện, khám phá ra một thế giới mới lạ - hình ảnh về thế giới ấy được phản ánh vô cùng sâu sắc, sinh động trong những tập thơ văn viết thời Minh Mạng của ông - Phong cách tác giả được thể hiện ấn tượng nhất trong phong cách của một lữ khách sứ thần văn chương phương Đông.

Thơ như người bạn đồng hành của các sứ thần phương Đông. Cảm hứng chủ đạo trong dòng thơ đi sứ là hào khí dân tộc, là ý chí độc lập tự chủ, là thiện chí hoà bình hữu nghị - và chủ nghĩa yêu nước chính là sức sống cho cảm hứng ấy. Thơ đi sứ của Lý Văn Phức như một nốt nhạc trên “con đường hoa” - Thơ ông chan chứa tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu quê hương đất nước; sâu sắc đậm thấm trong những tình điệu của những niềm vui nỗi nhớ tình tẻ nhạt cảm trong những tâm trạng, niềm cảm xúc.

Thơ đi sứ mỗi thời đều có phong cách riêng, thơ của Lý mang phong vị của thời đại ông - Sự hòa quyện giữa ý thơ và tình đời, sự đan xen giữa cảm xúc và tưởng tượng. Ngôn ngữ thơ ông trong sáng mà giản dị, giọng thơ ông đôn hậu mà ấm áp tình người - chính đó tạo nên đặc điểm vừa trữ tình, vừa hiện thực của một nghệ thuật thơ đạt đến hiệu quả riêng biệt trong cảm nhận.

Ông viết về cảnh bắt công xã hội:

Ngựa béo xe to phường tóc đỏ,

Nón mê áo rách đám da đen.

(Đề Minh Ca tân thứ an bạc, Đỗ Ngọc Toại dịch thơ)

Từng trải, lịch duyệt - tình cảm của Lý với các thân sĩ văn nhân Trung Quốc vừa chân thành sâu sắc, vừa nồng hậu thiết tha:

Bác từ Đông Việt tới Nam Hải,

Tây hải lần sang gặp gỡ đây.

Muôn dặm quan san tình thắm lạ,

Một nhà văn tự nghĩa nông thay!

(Lưu biệt Tạ Khôi Trường, Ngô Linh Ngọc dịch thơ)

Khí thơ ông thật hào sảng, bay bổng trên con thuyền thơ:

Phàm khai nhật ảnh hồi phi diểu,

Pháo lạc sơn thanh tẩu cự ngao.

Sĩ khí xung lưu yên dụng khuyến,

Hoàng ân chủ hải bất tri lao.

Hoành sa ngạn đới ngư chu diểu,

Cô dĩ vân kinh cổ miếu cao.

Văn tứ đa tông lưu lâm đắc,

Long Môn chi hậu kỳ nhân hào.

Dịch thơ:

Cánh bướm mờ bóng mặt trời, con chim bay lượn vòng,

Pháo nổ vang tiếng núi, xua con cá ngao chạy.

Khí phách kẻ sĩ xông pha nơi dòng nước chẳng cần khích lệ,

Ơn vua trút xuống như biển cả, chẳng quân nhọc nhằn.

Bờ cát nằm ngang đeo chiếc thuyền đánh cá xa tít,

Một hòn đảo chơ vơ, mây nâng miếu cổ lên cao.

Tứ văn thường có được từ cuộc du lãm,

Hỏi sau Long Môn còn được mấy người hào phóng!

Hòn thơ ông thắm đậm trong những nét vẽ, sâu lắng trong những âm thanh - người cùng cảnh vật như quán quýt - một vẻ đẹp lung linh, một nét xuân tươi trẻ.

Độ đầu thụ quái ngư chu hoả,

Lan thất xuân tàng yến tử nê.

Ba thượng nham yêu thanh chuyển tế,

Nguyệt hoành thú các ánh hoàn đề.

Dịch thơ:

Cây đầu bến treo ánh lửa thuyền chài,

Xuân nhà lan dấu dãi chim yến.

Sóng chồm lưng núi, âm thanh nhỏ dần,

Trăng ngang lầu lỉnh, bóng cang xuống thấp.

Thơ Lý Văn Phức hay trước hết bởi tình thơ đượm tình đời ấy, tâm hồn người đọc như cuốn hút theo từng giai điệu thơ ông- khi uyển chuyển, khi dồn dập, khi bay bổng, khi sâu lắng...

“Giai đoạn thế kỷ XVIII, XIX được xem là thời kỳ của các thể loại ký và tiểu thuyết chương hồi trong xu hướng của văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại tiến gần đến văn học hiện thực”⁽¹²⁾ và *Tây hành kiến văn ký lược* của Lý Văn Phức được xem là “cột mốc đánh dấu khả năng to lớn của ký trong việc phản ánh hiện thực”⁽¹³⁾ - Lý Văn Phức trong chuyến đi hiệu lực năm 1830 đến vùng biển phía Tây, lần đầu tiên ông đến một thế giới vô cùng mới lạ - có cái khác lạ, cũng có cái tương đồng, nhưng cơ bản là sự đối lập, sự xung đột giữa những giá trị văn hóa, văn minh phương Đông và phương Tây chủ yếu ở phương diện nhân cách con người, đồng thời với sự kinh ngạc đến bất phục về công nghệ, cơ trí tranh quyền tạo hóa của người phương Tây. Những khác lạ, những tương đồng, những đối lập, những kinh ngạc về một thế giới phương Tây mới lạ đều được Lý Văn Phức phản ánh vô cùng sâu sắc trong hệ quy chiếu của một cảm quan điển hình phương Đông - điều ấy tạo nên trong ký của ông những điểm giao thoa của những ấn tượng mới mẻ với những biểu tượng truyền thống; đồng thời cũng làm bộc lộ những cái mã văn hoá thuộc về bản chất của phương Đông, phương Tây cùng sự giao lưu, đan xen giữa chúng.

Bằng một trực quan sinh động, một năng lực khám phá - bằng sự kết hợp của bút pháp hiện thực - lãng mạn, tự sự - trữ tình, tư duy trực quan với tư duy triu tượng, nhận thức khoa học với sáng tạo nghệ thuật - ký của Lý Văn Phức đã đem đến cho người đọc cảm nhận thật sâu sắc và đầy ấn tượng trong các chủ đề như danh hiệu, con người, tập tục, y phục, ẩm thực, văn tự lễ nghi, việc quan, khí hậu, nhà cửa, xe cộ, tiền tệ, tàu thuyền, sản vật địa phương...

Hiện thực phương Tây mới lạ còn hướng ngòi bút ký sự của Lý Văn Phức sang những luận thuyết về những vấn đề như *Di biện* (bản về man di), *Mộng thuyết* (thuyết về giấc mộng), *Lữ Tống phong tục ký* (bài ký về phong tục Lữ Tống), *Tây Di chí phú biện* (bản về cách làm giàu của Tây Di)...

Lý Văn Phức cùng sự nghiệp sáng tác của ông đã thực sự làm nên một phần giá trị trong kho tàng văn hóa, văn học dân tộc. Ông vừa tiêu biểu cho khuynh hướng văn chương Nho giáo, vừa đại diện cho trào lưu và xu hướng văn học trung đại Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX trong việc phản ánh hiện thực và hơn một bước, mở đường cho thể loại ký viết về thế giới bên ngoài Trung Hoa - thế giới của những đan xen bản địa với Tây - Đông, trong đó bao trùm là yếu tố phương Tây. Sáng tác của ông phong phú, đa dạng với nhiều loại hình cả chữ Hán cũng như chữ Nôm, thơ cũng như văn xuôi, văn học nghệ thuật cũng như văn học chức năng. Văn tài của ông không chỉ in đậm dấu ấn của một thời đại văn học mà còn đóng góp đáng kể vào tiến trình của nền văn hóa, văn học dân tộc.

- (1) Theo *Lý thị gia phả*, họ Lý gốc người Phúc Kiến Trung Quốc, kể thế làm quan nhà Minh, bỏ sang Việt Nam khi nhà Mãn Thanh vào chiếm Trung Quốc. Dưới triều Lê, họ Lý nhiều người làm quan võ. Đến ông nội của Lý Văn Phức là Lý Văn Đôn mới đỗ hương tiến và chuyên theo nghiệp Nho. (Xem Lý Văn Phức, *Truyện Tây sương*, Nxb Văn hóa 1961, Vũ Ngọc Phan giới thiệu).
- (2) Trong bài *Nghĩ Vô Danh công tự thuật phú* viết năm 1831, sau khi đi hiệu lực ở Tân Gia Ba (Singapore) về, tác giả than rằng mình bị kết án oan “Hà xứ lai vô vọng chỉ thư; Thành án mặc thân ư lý đê” (từ đâu đưa đến một cái thư vu vơ; thành án mà không hiểu vì sao).
- (3) Theo nguyên chủ của tác giả ở bài thơ *Đắc chỉ* do Phú Yên đăng lục trong tập thơ *Tây hành thi ký*, trong chuyến đi biển Tây năm 1830 ông có viết 5 tác phẩm là *Kiến văn lục*, *Nhật trình ký*, *Chu hành phú*, *Hải hành ngâm* và *Cửu đại nương Trương Văn Thành diễn nghĩa*.
- (4) Theo nguyên chủ ở bài thơ *Đắc chỉ* do Phú Yên đăng lục, tldd..., tên tác phẩm *Kiến văn lục* tức *Tây hành kiến văn lục* và - *Tây hành kiến văn ký lược* có lẽ là bản lược ghi của *Tây hành kiến văn lục*, cũng giống như *Tây hành thi lược* là bản tóm lược của tập thơ *Tây hành thi ký*.
- (5) Theo Vũ Ngọc Phan giới thiệu, Sdd...
- (6) Theo Kiều Thu Hoạch giới thiệu trong Lý Văn Phức, *Ngọc Kiều Lê Tân truyện*, Nxb KHXH 1976, tr. 12.
- (7) Về *Ngọc Kiều Lê tân truyện* xin xem Lý Văn Phức, *Ngọc Kiều Lê tân truyện*, Sdd...
- (8) Về *truyện Tây sương* và vấn đề tác giả xin xem Lý Văn Phức, *Truyện Tây sương*, Sdd...
- (9) Về *Nhị Độ Mai*, xin xem Lê Trí Viễn, Hoàng Ngọc Phách, *Khảo thích về truyện Nhị Độ Mai*, Nxb Văn hóa Hà Nội 1960.
- (10) Xem lời giới thiệu của Vũ Ngọc Phan trong *Truyện Tây sương*, Sdd... với tên tác phẩm là *Cửu Loan nương*.
- (11) Theo lời nhà xuất bản Nam Sơn trong sách *Lý Văn Phức - Tiểu sử, văn chương*, Sdd... - 20 bài *Thanh Tâm Tài Nhân đề vịnh* này do ông Phan Thế Roanh, khi ấy là Giám đốc học vụ trường ĐH Sư phạm Sài Gòn, phát hành.
- (12) Xem Lại Văn Hùng, *Về bộ ba tác phẩm “truyện ngắn, ký, tiểu thuyết chương hồi*, Tạp chí Hán Nôm, số 3/2002.
- (13) Xem Lại Văn Hùng, *Về bộ ba tác phẩm “truyện ngắn, ký, tiểu thuyết chương hồi*, Tạp chí Hán Nôm, số 3/2002.